

Bản án số: 356/2026/HS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Anh Dũng;

2/ Bà Võ Thị Thu Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 469/2026/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 446/2026/QĐXX-HS ngày 16 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Trương Văn A, sinh năm 1997 tại tỉnh Thành phố H2; thường trú: Số nhà A khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 18/4 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Võ Thị Mỹ D1, sinh năm 2000 (không đăng ký kết hôn); có 08 anh em ruột, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/7/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản tại Bản án số 203/2016/HS-ST. Bị cáo chấp hành tại Trại giam X-Cục C Bộ C1 và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2019. Đóng án phí ngày 20/10/2016.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2025 đến nay (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trương Văn S, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà A khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Võ Thị Thanh H1;

+ Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn A là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào lúc 09 giờ ngày 10/10/2025, A liên hệ với đối tượng tên thường gọi “Ken” qua số điện thoại 0349736900 để hỏi mua 300.000 đồng ma túy loại đá để sử dụng thì K đồng ý bán. Ken hẹn giao ma túy cho A tại khu vực gần chợ 185 đầu đường vào Khu dân cư T, thuộc phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, A điều khiển xe mô tô biển số 61C1-416.27 tới điểm hẹn và gặp một người thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) bán cho A 01 gói nylon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ma túy loại đá), A trả tiền mua ma túy 300.000 đồng tiền mặt. Lúc này, A giấu ma túy trong túi quần và A điều khiển xe mô tô biển số 61C1-416.27 về phòng trọ của A tại địa chỉ: Số A, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, tại đây A lấy một phần ma túy ra, bỏ vào miếng giấy bạc, đốt nóng, hít vào người và sử dụng một mình. Số ma túy còn lại, A dùng bật lửa hàn kín gói nylon lại rồi cất giấu trong túi quần nhằm để sử dụng sau.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/10/2025, A rủ bạn tên Võ Thị Thanh H1, sinh ngày 02/07/2000, nơi cư trú: Số A khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh đi tới quán C2 tại khu phố B, phường T để uống cà phê. Khi đi, A vẫn để gói ma túy trong túi quần. Đến khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, A rủ H1 tới nhà nghỉ A1 tại địa chỉ: Số F, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh để quan hệ tình dục. Khi đến Nhà nghỉ A1, A và H1 thuê phòng số 208, tại đây cả hai nằm nghỉ, nói chuyện đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày thì A và H1 trả phòng và đi về. Sau khi A tính tiền tại quầy lễ tân xong, A và H1 lên xe định đi về thì có lực lượng Công an phường T, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ A1. Lực lượng Công an thấy A có biểu hiện nghi vấn sử dụng ma túy nên tiến hành kiểm tra. Lúc này, A thừa nhận có sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 10/10/2025 tại phòng trọ của A, đồng thời A lấy gói nylon hàn kín bên trong có chất tinh thể màu trắng trong túi quần của A đang mặc ra và khai nhận là ma túy loại đá của A cất giấu nhằm mục đích để sử dụng một mình. Do đó, lực lượng Công an lập biên bản tạm giữ tang vật, đưa A, H1 về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (Một) gói nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng (cân xác định khối lượng/trọng lượng: 0,2483 gam).

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61C1 – 416.27, số khung: RLCS5C6J0DY030524; số máy: 5C6J030524.

Đối với Võ Thị Thanh H1, quá trình điều tra xác định H1 không biết A cất giấu ma túy trong túi quần của A, do đó không có căn cứ để xử lý H1 về hành vi đồng phạm trong vụ án. Tuy nhiên, tiến hành test nhanh xác định H1 dương tính với chất ma túy Methamphetamine. H1 khai nhận sử dụng ma túy một mình vào ngày 12/10/2025 tại một bãi đất trống thuộc khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn gốc ma túy do H1 liên hệ mua của một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch trên mạng xã hội Facebook. Tiến hành test nhanh xác định Trương Văn A dương tính với chất ma túy Methamphetamine. Do đó, Cơ quan điều tra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với A, H1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét phòng 208 nhà nghỉ A1, địa chỉ: Số F, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh qua đó không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì khác.

* Căn cứ Kết luận giám định số 8003 ngày 22/10/2025 của Phòng KTHS, Công an Thành phố H kết luận: Tinh thể gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 0,2483 gam.

Tại Cáo trạng số 165/CT-VKS-KV16 ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Văn A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn A mức hình phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 61C1-416.27, số khung: RLCS5C6J0DY030524, số máy: 5C6J030524 mà bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra xác định xe do ông Trương Văn S đứng tên đăng ký. Ông S cho A mượn xe để làm phương tiện đi lại. Bị cáo A sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ông S không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông S.

Đối với số ma túy thu giữ trong vụ án đựng trong 01 bì thư được niêm phong ghi số: 644/PC09 là mẫu vật niêm phong còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với đối tượng tên “K” là người bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành quyết định tách hành vi cùng các tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý trong vụ án khác. Do đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để xử lý, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số điện thoại 0349736900 mà bị cáo Trương Văn A khai là của đối tượng tên “K1” đã bán ma túy cho bị cáo: Cơ quan điều tra đã có Công văn yêu cầu Tập đoàn C3 (V) cung cấp thông tin thuê bao. Kết quả xác định thuê bao trên được đăng ký dưới tên Nguyễn Phước T1, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương, xác định không có thông tin của Nguyễn Phước T1 trên cơ sở dữ liệu dân cư và thực tế tại địa phương cũng không có người nào có nhân thân như trên. Do chưa xác định được người sử dụng thuê bao này nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng đã thể hiện sự ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/10/2025, tại Nhà nghỉ A1, địa chỉ số F, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Trương Văn A đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,2483 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Văn A về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, đồng thời ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy cũng như hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích có ma túy để sử dụng nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án kết án về tội "Cướp tài sản", nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém. Vì vậy, cần áp dụng đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 61C1-416.27, số khung: RLCS5C6J0DY030524, số máy: 5C6J030524 mà bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra xác định xe do ông Trương Văn S đứng tên đăng ký. Ông S cho A mượn xe để làm phương tiện đi lại. Bị cáo A sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ông S không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông S là phù hợp.

Đối với số ma túy thu giữ trong vụ án đựng trong 01 bì thư được niêm phong ghi số: 644/PC09 là mẫu vật niêm phong còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với đối tượng tên “K” là người bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành quyết định tách hành vi cùng các tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh, xử lý trong vụ án khác. Do đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên chưa có căn cứ để xử lý, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với số điện thoại 0349736900 mà bị cáo Trương Văn A khai là của đối tượng tên “K1” đã bán ma túy cho bị cáo: Cơ quan điều tra đã có Công văn yêu cầu Tập đoàn C3 (V) cung cấp thông tin thuê bao. Kết quả xác định thuê bao trên được đăng ký dưới tên Nguyễn Phước T1, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú: Tổ A, khu phố C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương, xác định không có thông tin của Nguyễn Phước T1 trên cơ sở dữ liệu dân cư và thực tế tại địa phương cũng không có người nào có nhân thân như trên. Do chưa xác định được người sử dụng thuê bao này nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự, xử lý vật chứng và mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Văn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Xử phạt bị cáo Trương Văn A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/10/2025.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư niêm phong ký hiệu 644/PC09 là mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công Thành phố H.

Vật chứng nêu trên hiện do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H quản lý theo hồ sơ vụ án; việc giao nhận vật chứng để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trương Văn A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 16 – TP.HCM (01);
- Phân trại tạm giam khu vực Dĩ An (03);
- Phòng THADS khu vực 16 (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Bị cáo (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm